

QUAN SÁT TẤM BIA LÝ GIA LINH THẠCH

Nguyễn Hùng Vi - Nguyễn Đức Dũng***

1. Tấm bia *Lý gia linh thạch* hiện đặt tại chùa Tiêu Sơn, xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Về tấm bia này, vào cuối những năm 70, chúng tôi đã nghe GS Trần Quốc Vượng mách đi tìm tại vùng đó một hòn đá lớn, có quan hệ trọng đại đến vương triều Lý. Lúc đó GS nói đến một hòn đá gọi là *Lý gia cự thạch*.

Đầu những năm 80, tấm bia vẫn bị lấp cả ba mặt trong bệ thờ. Cuối những năm 80, khi sửa chữa lại di tích, người ta đã gỡ nó ra. Nhà sư Đàm Chính, người trụ trì chùa này, trông thấy thấp thoáng chữ Hán ở các mặt, cho là tấm bia quý, đưa xuống sân nhà tổ. Gần đây, nhà sư cho dựng nó ở vị trí hiện nay, đối diện với lối chính đi lên chùa. Sau đó, một nhà bia xinh gọn đã được xây nên. Tấm bia ngoảnh mặt trước về hướng chính Đông.

Trong quá trình những năm khảo sát văn hoá vùng Kinh Bắc, chúng tôi cũng chỉ qua nội dung còn đọc được, cho đó là một tài liệu có ghi lại một truyền thuyết đá thiêng, liên quan đến Phạm Mậu, Lý Vạn Hạnh và Lý Công Uẩn. Nhưng gần đây, tấm bia được đông đảo các nhà nghiên cứu, các trí thức ở các làng liên quan, quan tâm với tinh thần phát huy văn hoá truyền thống, tìm hiểu về cội nguồn lịch sử nhằm xác nhận đâu là quê hương đích

* Giảng viên chính, Khoa Văn học, trường ĐHKHXH & NV.

** Cử nhân Khoa Văn học.

thực của Phạm Mẫu, người sinh ra Lý Công Uẩn. Ý kiến có nhiều phần khác nhau.

Gần đây, trong đợt đi điền dã quê hương nhà Lý do Ban kỷ niệm 990 năm Thăng Long và Khoa Lịch sử, trường ĐHKHXH và NV tổ chức chúng tôi đã có dịp quan sát kỹ hơn tấm bia này. Đồng thời, khi đến xã Mai Lâm, chúng tôi còn gặp một tấm bia thạc bản *Lý gia linh thạch* này được hoàn thành vào năm 2000.

Với sự giúp đỡ của giảng viên Đinh Thanh Hiếu, các sinh viên Chu Thanh Nga, Quách Thu Hiền, Nguyễn Văn Thanh, chúng tôi bước đầu đưa ra những thông tin về tấm bia.

2. Tấm bia được tạo bằng đá sa thạch, kỹ thuật chế tác rất thô vụng, mặt bia hầu như không được mài nhẵn, cát thô, nổi lổ chỗ, qua thời gian phong hoá, màu đã trở lên đen sẫm. Trên bia, ngoài hai chữ bị đục một cách cố ý, có nhiều chữ khác bị mất hoặc mất nét do người ta vô tình đục đẽo va phải (có lẽ là đẽo vữa ra khỏi đá). Các vết đẽo rải khá đều trên ba mặt bia có chữ nhỏ. Toàn bia cao 0,69m, rộng 0,39m, dày 0,235m. Lòng bia mặt trước và mặt sau cao 0,55m, rộng 0,32m, còn lại là trán và diềm dưới (0,11m + 0,03m). Lòng của hai mặt bên cao 0,52m, rộng 0,165m. Trán bia cao 0,11m, ở giữa có hình mặt trời và các tia lửa. Xung quanh là vân mây nhưng cũng có thể hiểu là lưỡng long triện nhật cách điệu hoá thành mây. Diềm bia hoàn toàn không có hoa văn, để lại những vết tạo tác thô vụng. Các góc diềm bia cũng bị vỡ nhiều. Chữ trên bia ở hai mặt bên và sau khá nhiều nhưng không đẹp.

Mặt trước gồm bốn chữ *Lý gia linh thạch* được chạm nổi, thể chữ khải, mỗi chữ có khổ 0,13 x 0,13m. Trên bia có tất cả 336 chữ.

Mặt sau gồm 178 chữ, hiện trạng rất khó đọc. Trong đó chắc chắn có hai chữ bị đục cố ý. Chữ nằm ở vị trí đầu dòng thứ 9 bị đục hoàn toàn, không để lại dấu vết gì nhưng vẫn có thể luận ra đó

là chữ *cảnh* (景), chữ tiếp theo cũng bị đục một phần, song dựa vào các nét còn lại có thể đọc được đó là chữ *thịnh* (盛). Toàn văn mặt sau được khắc làm 9 dòng. Trong đó 7 dòng đầu mỗi dòng 23 chữ. Dòng thứ 8 gồm 7 chữ. Dòng thứ chín là dòng ghi niên đại gồm 10 chữ. Vì chữ khó đọc, nên chữ nào mất hẳn hoặc phải luận ra từ số nét còn lại và từ văn cảnh ý nghĩa chúng tôi sẽ có chú thích để tham khảo. Chúng tôi chép lại chữ Hán và phiên âm thành các trang sau:

	thiên		du	sự	đĩ	đặc	chi	
thịnh		nãi	du			đông	gian	
nguyên	cổ		trần	đĩ	cáo	ngàn		
niên	thạch		tích	cự	trinh	hoa		dã
trọng	kỳ		đĩ	thạch	chi	lâm	sơ	thần
hạ	truyền			nhi	tắc	nhân	ba	chí
thượng	vân	mặc	vu	ba	tòng	phạm	tiêu	thông
cán		tướng		sơn	sơn	mẫu	cảm	dã
cát		huyền		huyết	cốc	tiêu	ứng	
nhật		khu	lạc	tắc	trung	dao	thiên	dữ
			sơn	linh	huyền	kỳ	tâm	thần
				chuyên	yên	tự	tự	thông
			cổ	yên	hoá	thường	tự	hội
		nhi	dã	sự	đĩ	kiến	chủ	chí
		minh		cánh	huân	nhất	dị	vu
		chi		lý	chi	thần	tăng	thạch
		vu	sơ	tử	huyết	hầu	lý	thứ
		thạch	tu	dựng	thông	lai	vạn	nghi
		đĩ	lý		ba	giác	hạnh	thần
			dị	thạch	sơn	hữu	cổ	linh
		thần	tăng	linh	tăng	nhân	pháp	ư
		trung	chân	như	dị	dị	nhân	kim
		tỳ	tượng	hiện	kỳ	mẫu	dã	cổ

Từ việc đọc đó, nội dung còn lại của văn bản bước đầu có thể hiểu như sau:

0 0 0 vậy, thần cực thông tuệ() vậy. 0 0 với thần cùng tu vào trong đá. Thế nên thành chuyện thiêng suốt xưa nay. 0 0 đầu, có dì tằng Lý Vạn Hạnh người Cổ Pháp làm chủ tự chùa Cảm Ứng Thiên Tâm trên núi Ba Tiêu. Bấy giờ, có Phạm Mẫu người làng Hoa Lâm huyện Đông Ngàn hay qua văn cảnh chùa, thường thấy một thần hầu () tới, thấy có người đem 0 đưa cho Mẫu 0 đi tìm, vào trong hang núi, thì biến mất. Lấy khói hun vào hang thì thấy nó thông với Ba Sơn. Nhà sư lấy làm lạ 0 dùng hòn đá lớn đặt vào hang Ba Sơn rồi nó trở thành hòn đá thiêng () vậy. Việc ấy xong (Mẫu) mang thai người con họ Lý. Đá thiêng vẫn còn. Dấu cũ xa xôi. 0 0 0 0 Lạc Sơn 0 xưa vậy. 0 0 đầu, tu tạo chân tượng nhà sư, khiến cho 0 bèn 0 0 0 0 ngâm ỨNG CƠ HUYỀN. 0 0 0 mà khắc vào đá để 0 chứng nghiệm sự thiêng liêng của thần khiến nghìn 0 cổ thạch mãi truyền.

0 Thịnh nguyên niên ngày tốt thượng tuần tháng trọng hạ.

Mặt bên bia (phía Bắc) gồm 83 chữ được bố trí làm sáu dòng dài ngắn không đều, trong đó bốn dòng mang tên các địa danh được khắc khổ chữ to hơn, hai dòng còn lại ghi họ tên, chức danh những người tham gia được khắc chữ nhỏ hơn. Trong số những người đó, chúng tôi thấy có 5 người họ Nguyễn và 3 người họ Ngô với các chức danh như tổng trưởng, xã trưởng, hiệu sinh.

Chúng tôi quan tâm đến địa danh được ghi trên mặt này.

- Ở dòng thứ nhất: *Đông Ngàn huyện, Đình Bảng xã, viên mục đồng xã đẳng.*

- Ở dòng thứ ba: *Đông Ngàn huyện, Dương Lôi xã.*

- Ở dòng thứ tư: *Đông Ngàn huyện, Tam Sơn xã viên mục đồng xã đẳng.*

- Ở dòng thứ sáu: *Yên Phong huyện, Tam Tảo xã.*

Ở mặt bên bia (phía Nam) gồm 29 chữ chia làm 2 dòng.

+ Ở dòng thứ nhất: *Yên Phong huyện, Tiêu Sơn Thượng xã, hương lão viên mục thượng hạ đẳng.*

+ Ở dòng thứ hai: *Yên Phong huyện, Tiêu Sơn xã, Phù Long thôn, hương lão viên mục thượng hạ đẳng.*

Trên mặt này, có một vết đục hình chữ nhật phía dưới bên trái, kích thước 0,14 x 0,05m.

3. Một số ý kiến xung quanh tấm bia

3.1. Nhìn về phía nội dung văn bản, chúng tôi thấy tấm bia có những giá trị đáng quý. Tấm bia cách chúng ta hơn 200 năm và cách sự kiện mà nó kể lại hơn 800 năm. Những người kể lại nội dung là *hương lão viên mục* của sáu xã nơi có chùa Tiêu và xung quanh. Đó là những *bình dân* trong quan niệm tổng thể về văn học dân gian. Nội dung họ kể lại là một *truyện thuyết dân gian* về Phạm Mẫu, về nhà sư Lý Vạn Hạnh, về việc đầu thai Lý Công Uẩn và đặc biệt là về hòn đá thiêng liên quan đến nhà Lý. Dưới con mắt của người nghiên cứu văn học dân gian, chúng tôi nhận thấy đây là một tích hợp biểu tượng khá phong phú gồm các biểu tượng như *hòn đá thần, hang động, con khỉ thần, vị pháp sư, mẹ đồng trinh* cùng các mô típ dân gian như *sự thụ thai thần kỳ, cuộc sinh nở thần kỳ, người con của pháp sư...* Chỉ với ngần ấy biểu tượng và mô típ, bằng phương pháp so sánh hiện nay chúng ta có thể chỉ ra quá trình huyền tích hoá các nhân vật lịch sử, các sự kiện lịch sử. Dựa trên một sự kiện lịch sử có thật là việc Lý Công Uẩn trở thành vua sáng lập vương triều Lý quê ở châu Cổ Pháp (rất rộng) với sự

giúp đỡ của các nhà sư mà truyền thuyết đã tích hợp vào đây các biểu tượng, các mô típ của tín ngưỡng dân gian, của truyền kỳ Trung Hoa, của Phật thoại Phật giáo, Tiên thoại Đạo giáo. Với cách nhìn nhận đó, chúng tôi cho rằng Phạm Mẫu từ sớm đã là một *phiếm chỉ dân gian*. Việc bà mang họ Phạm, đầu được ghi bằng tự dạng nào cũng cung cấp cho chúng ta về những nghĩa quan trọng như *người mẹ khởi nguyên, người đàn bà khuôn mẫu, đức hạnh, trinh phục, người phụ nữ được truyền thụ và nhập pháp tính cao siêu*. Con đường của nghệ thuật ngôn từ truyền miệng cho chúng ta kinh nghiệm giải mã hình tượng theo xu hướng đó. Dầu ở Việt Nam, từ thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, cộng đồng dòng họ đã khá mạch lạc và là một thực thể khách quan thì việc đi tìm cho Phạm Mẫu một dòng họ cụ thể còn tồn tại đến ngày nay là một ý tưởng phiêu lưu khoa học. Nếu quả thật có kết quả thì đó chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Phải hiểu đó là bà mẹ phiếm chỉ được tạo nên bởi lòng tôn kính, ý thức yêu nước khẳng định độc lập dân tộc, tinh thần trọng thị truyền thống văn hoá của nhân dân, là thăng hoa tinh thần của tất cả chúng ta.

3.2. Chúng tôi quan tâm đến địa danh được thể hiện trên tám bia và sẽ bắt đầu bằng số liệu. Trên tổng 336 chữ của tám bia, chúng ta thấy có 20 lần địa danh xuất hiện. Đó là, ở mặt sau, các địa danh như:

- *Ba Tiêu*, tên núi, xuất hiện 1 lần.
- *Cổ Pháp*, tên châu, xuất hiện 1 lần.
- *Đồng Ngàn*, tên huyện, xuất hiện 1 lần.
- *Hoa Lâm*, tên xã, xuất hiện 1 lần.
- *Ba Sơn*, tên núi, xuất hiện 2 lần.
- *Lạc Sơn (?)* xuất hiện 1 lần.

Trên mặt bên bìa (phía Bắc).

- *Đông Ngàn*, tên huyện, xuất hiện 3 lần.

- *Đình Bảng*, tên xã, xuất hiện 1 lần.

- *Dương Lôi*, tên xã, xuất hiện 1 lần.

- *Tam Sơn*, tên xã, xuất hiện 1 lần.

- *Yên Phong*, tên huyện, xuất hiện 1 lần.

- *Tam Đảo*, tên xã, xuất hiện 1 lần.

Ở mặt bên bìa (phía Nam):

- *Yên Phong*, tên huyện, xuất hiện 2 lần.

- *Tiên Sơn Thượng*, tên xã, xuất hiện 1 lần.

- *Phù Long*, tên thôn, xuất hiện 1 lần.

Trên hiện trạng văn bìa, chúng tôi, qua văn cảnh nghĩ rằng có thể địa danh xuất hiện thêm một lần nữa ở dòng thứ 6 mặt sau.

Xét qua nội dung, chúng ta thấy các tác giả quan niệm địa danh theo hai loại quy chiếu.

Loại thứ nhất, không mang tính hành chính, đó là địa danh *Cổ Pháp* gắn với quê Lý Vạn Hạnh. Đây là địa danh quen thuộc mà các sử sách trước đó đã ghi chép. Việc xác định *Cổ Pháp* là thôn, xã, tổng huyện, hương, châu, các tác giả văn bìa đã không đề cập, các địa danh khác như *Ba Tiên*, *Ba Sơn*, cũng thuộc quy chiếu này.

Loại thứ hai, rất chặt chẽ hành chính, là tất cả các địa danh khác (trừ địa danh *Lạc Sơn* chúng tôi đang nghi vấn). Nếu chúng ta so sánh huyện xã thôn các địa danh này với ghi chép địa bạ *Các tổng trấn địa danh bị lăm đầu đời Gia Long* thì sẽ thấy ngay sự

tương hợp chẵn chẵn. Từ Cảnh Thịnh đến Gia Long là kế tục về mặt thời gian (tấm bia làm năm 1793, còn quyển địa bạ được xác định sớm nhất là làm vào 1810). Giữa hai thời điểm đó, trên vùng này không có sự cải cách hành chính địa danh nào.

Điều chúng tôi nói trên liên quan đến cách dịch năm chữ *Đông Ngàn Hoa Lâm nhân* ở mặt sau tấm bia. Đã có một số nhà nghiên cứu dịch thành *người làng Hoa Lâm ở phía đông chùa Tiêu, hoặc bờ đông Tiêu Tương*. Chúng tôi cho rằng, cách dịch này không hợp lẽ, theo định kiến vì ít nhất phải chứng minh được rằng Hoa Lâm là một địa danh có tính hành chính đã từng được ghi chép vào các văn bản từ 1810 trở về trước, thuộc đất xã Dương Lôi (Tân Hồng ngày nay) và địa danh đó đã quen dùng. Trong sự so sánh địa danh tấm bia, chúng tôi cho rằng cách dịch đúng là: *người xã Hoa Lâm, huyện Đông Ngàn*. Theo đối chiếu địa bạ thì tức là xã Mai Lâm, huyện Đông Anh ngày nay. Tấm bia nói vậy nhưng, như chúng tôi đã nói, bia chỉ là ghi lại truyền thuyết dân gian được tất cả những người tham gia công việc dựng bia hoặc tu tạo di tích, công nhận mà thôi. Chưa chắc là hiện thực lịch sử?

3.3. Chúng tôi đã quan sát tấm bia *Lý gia linh thạch* thác bản ở Mai Lâm. Qua khảo cứu của chúng tôi, tấm bia này có nhiều chữ sai, nhiều chữ bịa ra, văn mạch bất thông, làm nội dung văn bản bị hiểu lệch.

4. Kết luận

Bia rất khó đọc, chúng tôi đã rất cố gắng trong kiến văn nông cạn của mình. Chúng tôi chân thành mong muốn sự chỉ giáo đúng đắn của các nhà chuyên môn với sự trợ giúp của kỹ thuật hiện đại. Về phía mình, chúng tôi vẫn tiếp tục công việc và sẵn sàng cộng tác với các nhà khoa học, với những người có tâm với truyền thống ngàn năm Thăng Long.